

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Y HỌC; Chuyên ngành: Y TẾ CÔNG CỘNG

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **HOÀNG THỊ GIANG**

2. Ngày tháng năm sinh: 07/8/1985; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 16, Trà Khê 3, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

6. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 16, Trà Khê 3, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0904 135 488; E-mail: htgiang@hpmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/2003 đến 8/2009: Sinh viên Bác sỹ đa khoa chính quy, Trường Đại học Y Hải Phòng

Từ tháng 9/2009 đến 10/2011: Học viên Thạc sỹ (Master), Chuyên ngành Y học nhiệt đới và Sức khỏe quốc tế - Viện Y học nhiệt đới Pháp ngữ – Viêng Chăn – CHDCND Lào

Từ tháng 9/2009 đến 10/2011: Học viên Thạc sỹ Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hải Phòng

Từ tháng 11/2011 đến 10/2012: Thực tập sinh chuyên ngành Sức khỏe nghề nghiệp - Bệnh viện Đại học Morvan (CHRU Morvan) – thành phố Brest– Cộng hoà Pháp

Từ tháng 12/2016 đến 3/2020: Nghiên cứu sinh, Chuyên ngành Y tế công cộng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Từ tháng 10/2009 đến nay: Giảng viên Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa Y tế công cộng, Trưởng Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Địa chỉ cơ quan: 72A, Nguyễn Bình Khiêm, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại cơ quan: 02253731907; E-mail: contact@hpmu.edu.vn; Fax: 02253733315

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 18 tháng 8 năm 2009, ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Y Hải Phòng, Việt Nam

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 04/10/2011, ngành: Y, chuyên ngành: Chuyên ngành Y học nhiệt đới và Sức khỏe quốc tế; Nơi cấp bằng: Viện Y học nhiệt đới Pháp ngữ – Viêng Chăn – CHDCND Lào.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 03/4/2012, ngành: Y, chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: trường Đại học Y Hải Phòng, Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 10/3/2020, ngành: Y, chuyên ngành: Y tế công cộng; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ở các ngành nghề, đặc biệt là vấn đề áp lực tâm sinh lý, rối loạn cơ xương

khớp của người lao động; chuẩn hoá các bộ công cụ đo lường các yếu tố tâm lý, áp lực trong lao động; tiến hành các đánh giá, đóng góp những số liệu mới về lĩnh vực sức khoẻ người lao động ở các nhóm nghề nghiệp.

- Nghiên cứu dịch tễ học, kiến thức thực hành dự phòng và các chiến lược dự phòng các bệnh truyền nhiễm có gánh nặng lớn như HIV, viêm gan vi rút, lao.... trong các cộng đồng dân cư, đặc biệt là người sử dụng ma tuý bao gồm các lựa chọn tiếp cận điều trị nghiện chất, tuân thủ điều trị methadone và các mô hình chăm sóc bệnh đồng mắc (HIV/AIDS, viêm gan vi rút, sức khoẻ tâm thần, lao,...)
- Áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, phương pháp nghiên cứu kết hợp trong nghiên cứu các vấn đề sức khoẻ khác nổi lên trong cộng đồng như các bệnh mạn tính, sức khoẻ người cao tuổi, sức khoẻ tâm thần, sức khoẻ sinh sản, bạo lực trên cơ sở giới, tác động của dịch bệnh trong đó có đại dịch COVID-19,...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 học viên Bác sĩ chuyên khoa 2, 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT, trong đó hướng dẫn chính 02 học viên Bác sĩ chuyên khoa 2, 02 học viên cao học
- Đã hoàn thành 11 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: trong đó chủ nhiệm 07 đề tài cấp cơ sở; 01 đề tài NCKH quốc tế; tham gia với vai trò thư kí 03 đề tài NCKH quốc tế;
- Đã công bố 92 bài báo khoa học, trong đó 34 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (20 bài thuộc nhóm Q1 và 14 bài thuộc nhóm Q2);
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03 (sách giáo trình, tác giả tham gia biên soạn), trong đó 03 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2022, 2024
- Giải Xuất sắc, Hội thi Khoa học tuổi trẻ các trường Đại học, Cao đẳng Y - Dược Việt Nam lần thứ XIX năm 2018
- Giải Ba, Hội nghị Khoa học và Công nghệ Tuổi trẻ ngành Y tế lần thứ XX năm 2021
- Giải Khuyến khích, Hội nghị Khoa học và Công nghệ Tuổi trẻ ngành Y tế lần thứ XXI
- Giải Ba Hội nghị Khoa học và Công nghệ Tuổi trẻ ngành Y tế lần thứ XXII
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): KHÔNG

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian giảng dạy tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng 12 năm 7 tháng, tôi tự nhận thấy có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo và đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định, cụ thể là:

- Luôn chấp hành nghiêm mọi chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, qui định của Nhà trường; đoàn kết với đồng nghiệp, hoà đồng với sinh viên và học viên.
- Được đào tạo chính quy đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy phục vụ đào tạo đại học và sau đại học.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng viên và của cán bộ quản lý đại học. Luôn tích cực trong công tác giảng dạy, tổ chức đào tạo, triển khai nghiên cứu, hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng.
- Giảng dạy cho sinh viên, học viên y khoa và khối ngành sức khỏe, luôn vượt số giờ quy định
- Đã hướng dẫn bảo vệ thành công 26 khoá luận tốt nghiệp đại học và 06 luận văn sau đại học (02 luận văn Bác sỹ chuyên khoa II Quản lý y tế, 01 luận văn Bác sỹ chuyên khoa I Y tế công cộng và 03 luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng).
- Đã chủ trì 07 đề tài cấp cơ sở; 01 đề tài NCKH quốc tế; tham gia với vai trò thư ký 03 đề tài NCKH quốc tế, tham gia với vai trò thành viên 01 đề tài cấp thành phố, 01 đề tài NCKH quốc tế. Tích cực đăng tải khoa học và báo cáo kết quả nghiên cứu tại các hội thảo khoa trong và ngoài nước.
- Luôn có ý thức nỗ lực trau dồi, học tập liên tục nâng cao trình độ chuyên môn, chủ động tham gia các khoá tập huấn, trao đổi, hợp tác trong và ngoài nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm 7 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1.	2019-2020				2	547		547/631,4/243
2.	2020-2021				3	262	141	403/519,1/255
3.	2021-2022			2	2	310	207	517/602,8/255
03 năm học cuối								
4.	2022-2023			1	2	240	197	437/533/240
5.	2023-2024			2	3	209	120	329/427/255

6.	2024-2025			9	1	190	139	329/400/210
----	-----------	--	--	---	---	-----	-----	-------------

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Pháp, tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ và luận án TS ☐; tại nước: Lào; năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải: Thực tập sinh Bác sĩ nội trú tại Bệnh viện Morvan; Thành viên Hội đồng chuyên gia của Cơ quan nghiên cứu quốc gia Pháp về HIV và Viêm gan virus (Agence Nationale de Recherche sur le VIH et les Hepatites virales - ANRS, CH Pháp); Tham gia khoá đào tạo sau tiến sĩ về chủ đề Bạo lực trên cơ sở giới tại Trường Đại học EMORY-Hoa Kỳ.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

3.3. Tiếng Pháp (văn bằng, chứng chỉ): DELF B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	CH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1.	Nguyễn Tôn Mạnh		X	X		2021-2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	30/12/2022
2.	Phạm Sơn Lâm		X		X	2021-2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	30/12/2022
3.	Nguyễn Thu Hương		X	X		2022-2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	29/1/2024
4.	Nhữ Văn Phương		X	X		2023-2024	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	7/1/2025
5.	Nguyễn Thị Thanh Thủy		X	X		2023-2024	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	7/1/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên/ Tác giả	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1.	Sức khỏe nghề nghiệp	GT	NXB Y học 2012	9	TG	37-64	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (số 194A/QĐ-ĐHYDHP, 15/4/2014)
II	Sau khi được công nhận TS						
1.	Sức khỏe nghề nghiệp (Dùng cho đào tạo Bác sỹ đa khoa chương trình đổi mới)	GT	NXB Y học 2020	5	TG	7-49; 99-110	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (số 334/QĐ-YDHP, 16/3/2021)
2.	Thống kê y sinh ứng dụng	GT	NXB Y học 2021	5	TG	62-135	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (số 334/QĐ-YDHP, 16/3/2021)

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống người cao tuổi tại xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, năm 2018	CN	Cơ sở	2018	15/12/2018 Xuất sắc
2.	Thực trạng nhiễm độc chì và một số yếu tố liên quan ở trẻ em sống gần các khu khai khoáng tại Bản Thi, Bắc Kạn và Tân Long, Thái Nguyên	CN	Cơ sở	2019	6/10/2019 Xuất sắc
3.	DRIVE-IN: Feasibility of an interventional project to reduce HIV incidence among people who inject Drugs in Hai Phong, Vietnam (ĐT)	TK	Quốc tế (ANRS-12299 DRIVE-IN, CH Pháp)	2014-2016	Hoàn thành 30/6/2016
4.	DRIVE (DRug use & Infections in ViEtnam): ending the HIV epidemic among people who inject drugs in Hai Phong, Vietnam (ĐT)	TK	Quốc tế (NIDA RO1 DA041978- Mỹ/ ANRS 12353- Pháp)	2016-2021	Hoàn thành 31/5/2021
II	Sau khi được công nhận TS				
5.	DRIVE-COVID: Đánh giá tác động của các biện pháp giãn cách xã hội để kiểm soát dịch Covid-19 lên hành vi nguy cơ lây truyền HIV/Viêm gan C và tiếp cận với dịch vụ điều trị và dự phòng trên người tiêm chích ma túy tại Hải Phòng, Việt Nam	CN	Quốc tế (ANR COV22 – Pháp)	2020-2021	Hoàn thành 31/10/2021

6.	DRIVE-MIND II - Tác động của việc duy trì can thiệp sức khỏe tâm thần cho người tiêm chích ma túy tại thành phố Hải Phòng, Việt Nam”	TK	Quốc tế (ANRS 0041S- Pháp)	2022-2024	Hoàn thành 31/12/2024
7.	Nghiên cứu thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích của học sinh trung học cơ sở tại xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng năm 2019	CN	Cơ sở	2020	6/10/2019 Khá
8.	Thực trạng tai nạn lao động và một số yếu tố liên quan của người lao động tại làng nghề đúc đồng và gia công cơ khí Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng năm 2020	CN	Cơ sở	2021	18/12/2021 Xuất sắc
9.	Thực trạng điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng Methadone liều cao và một số yếu tố liên quan tại Hải Phòng năm 2022	CN	Cơ sở	2022	19/12/2022 Xuất sắc
10.	Thực trạng bạo lực trên cơ sở giới và các yếu tố liên quan trên phụ nữ bán dâm tại Hải Phòng, Việt Nam	CN	Cơ sở	2023	26/01/2024 Xuất sắc
11.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến quản lý điều trị ngoại trú bệnh tăng huyết áp tại Bệnh viện đa khoa Hạ Long, Quảng Ninh năm 2024	CN	Cơ sở	2024	19/6/2025 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; **ĐT**: Đề tài; **CN**: Chủ nhiệm; **PCN**: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập (số), trang	Tháng/năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							

1.	Validation of the Karasek-Job Content Questionnaire to measure job strain in Vietnam	05	X (Tác giả đứng đầu)	Psychol Rep.	ISI, IF= 1.535 (Q2)	38	113(2), 363-379	10/ 2013
2.	Các yếu tố tinh thần xã hội ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống người cao tuổi	04		Tạp chí Y học dự phòng			XXIII, 5 (141), 117-122	06/ 2013
3.	Đánh giá độ tin cậy và tính giá trị của một bộ công cụ đo lường stress nghề nghiệp bằng tiếng Việt (JCQ-V)	02		Tạp chí Y học thực hành			3(909), 146-149	03/ 2014
4.	Kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng phơi nhiễm với dịch sinh lý của nhân viên y tế Bệnh viện Đại học Y Dược Hải Phòng	02		Tạp chí Y học thực hành			921, 185-189	06/ 2014
5.	Sự căng thẳng nghề nghiệp ở nhân viên y tế của một bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh tại Hải Phòng, năm 2011	02		Tạp chí Y học dự phòng			XXIV, 3(152), 86-92	06/ 2014
6.	Cân thi học đường và một số yếu tố liên quan của học sinh trường Trung học cơ sở Quán Toan, Hải Phòng năm 2014	03	X	Tạp chí Y học dự phòng			XXIV, 9 (158): 79-87.	10/ 2014
7.	Thực trạng thể lực và bệnh tật của công nhân xí nghiệp sản xuất bóng - công ty TNHH MTV da giày Hải Phòng năm 2013	03	X	Tạp chí Y học dự phòng			XXIV, 9 (158): 88-95.	10/ 2014
8.	Tìm hiểu khó khăn và nhu cầu hỗ trợ việc làm của bệnh nhân điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Hải Phòng	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			XXV, 11 (171) 2015 : 20 - 29	11/ 2015
9.	Một số yếu tố liên quan đến rối loạn cơ xương trên điều dưỡng viên bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng năm 2015	06		Tạp chí Y học dự phòng			XXV, 11 (171): 114 - 120	11/ 2015

10.	Prospects for ending the HIV epidemic among persons who inject drugs in Haiphong, Vietnam	16		International Journal of Drug Policy	ISI, IF= 3.479 (Q1)	25	32(2016), 50–56	06/ 2016
11.	Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống lây nhiễm viêm gan B của sinh viên trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015	05		Tạp chí Y học dự phòng			26, 14(187), 11-20	11/ 2016
12.	Đặc điểm tàn tật của bệnh nhân phong tại huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	05		Tạp chí Y học dự phòng			26, 14(187), 21-26	11/ 2016
13.	Thực trạng sử dụng và bảo quản hóa chất bảo vệ thực vật của người dân xã Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội năm 2011	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			26, 14(187), 27 -34	11/ 2016
14.	Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân phong tại huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng năm 2016	05	X	Tạp chí Y học dự phòng			26, 14(187), 113-121	11/ 2016
15.	Intravenous heroin use in Haiphong, Vietnam: Need for comprehensive care including methamphetamine use-related interventions	15		Drug and Alcohol Dependence	ISI, IF= 3.460 (Q1)	21	179, 198-204.	10/ 2017
16.	Một số đặc điểm tai nạn lao động tại Nghệ An từ năm 2011-2015	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			27(10), 26-34	11/ 2017
17.	Using dual capture/recapture studies to estimate the population size of persons who inject drugs (PWID) in the city of Haiphong, Vietnam	18		Drug and Alcohol Dependence	ISI, IF= 3.510 (Q1)	35	185(2018), 106–111	02/ 2018
18.	Risk behaviors for HIV and HCV Infection among people who inject drugs in Haiphong, Viet Nam, 2014	13		AIDS And Behavior	ISI, IF= 2.908 (Q1)	9	22(7), 2161-2171	07/ 2018
19.	Musculoskeletal Disorders: Prevalence and Associated Factors among District	07		BioMed Research International	ISI, IF= 2.197 (Q2)	46	2018 (Article ID	08/ 2018

	Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam						3162564), 1-9	
20.	Psychiatric comorbidities among people who inject drugs in Haiphong, Vietnam: the need for screening and innovative interventions	18		BioMed Research International	ISI, IF= 2.197 (Q2)	11	2018 (Article ID 8346195), 1-13	10/ 2018
21.	Lead Environmental Pollution and Childhood Lead Poisoning at Ban Thi Commune, Bac Kan Province, Vietnam	10		BioMed Research International	ISI, IF= 2.197 (Q2)	11	2018 (Article ID 5156812), 1-7	11/ 2018
22.	Increased Methamphetamine Use among persons who inject drugs in Haiphong, Vietnam and association with Injection and sexual risk behavior	17		Journal of Psychoactive Drugs	ISI, IF= 1.610 (Q2)	22	50(5), 382-389	11/ 2018
23.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống người cao tuổi tại xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, năm 2018	03	X	Tạp chí Y học dự phòng			28 (9), 11-18	12/ 2018
24.	Hiệu quả can thiệp điều trị viêm mũi dị ứng bằng Avamys ở học sinh trung học cơ sở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	05		Tạp chí Y học dự phòng			28 (9), 19-26	12/ 2018
25.	Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú tại bệnh viện Kiến An - Hải Phòng năm 2017	04		Tạp chí Y học dự phòng			28(9), 34-40	12/ 2018
26.	Thực trạng cơ cấu bệnh tật của công nhân công ty Cổ phần may Halotexco tỉnh Nghệ An năm 2017	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			28(9), 68-74	12/ 2018
27.	Thực trạng sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú tại bệnh viện Kiến An - Hải Phòng năm 2017	04		Tạp chí Y học dự phòng			28(9), 75-83	12/ 2018

28.	Thực trạng điều kiện lao động của công nhân tại Công ty Cổ phần may Halotexco tỉnh Nghệ An, năm 2016	04		Tạp chí Y học dự phòng			28(9), 141-148	12/ 2018
29.	Thực trạng ô nhiễm một số kim loại nặng trong môi trường nước tại xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh năm 2018	10		Tạp chí Y học dự phòng			28 (9), 235-243	12/ 2018
30.	Hiệu quả can thiệp cộng đồng cho trẻ em bị thẩm nhiễm chì tại Bắc Kạn và Thái Nguyên	05	X	Tạp chí Y học dự phòng			29(3), 24-32	06/ 2019
31.	Thực trạng thẩm nhiễm chì và tình trạng phát triển thể chất tinh thần của trẻ em sống gần khu khai khoáng kim loại màu tại Bắc Kạn và Thái Nguyên	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			29(3), 33-41	06/ 2019
32.	Thực trạng thị lực và cận thị học đường của học sinh trung học cơ sở của huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An năm 2015-2016	05	X	Tạp chí Y học dự phòng			29(9), 181-189	10/ 2019
33.	Factors associated with health literacy among the elderly people in Vietnam	05		BioMed Research International	ISI, IF= 2.276 (Q2)	44	2020 (Article ID 3490635), 1-7	03/ 2020
II	Sau khi được công nhận TS							
34.	Hiệu quả can thiệp dự phòng rối loạn cơ xương trên điều dưỡng viên Bệnh viện quận huyện Hải Phòng năm 2019	04		Tạp chí Y học Việt Nam			488(tháng 3, số 2), 262-266	03/ 2020
35.	HIV control programs reduce HIV incidence but not HCV incidence among people who inject drugs in Hai Phong, Vietnam	18		Scientific Reports	ISI, IF= 4.379 (Q1)	19	10(1), 6999, 1-8	04/ 2020
36.	Prevalence and Characteristics of Multisite Musculoskeletal Symptoms	07		BioMed Research	ISI, IF= 2.276	12	2020 (Article	05/ 2020

	among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam			Internationa l	(Q2)		ID 3254605), 1-11	
37.	Towards targeted interventions in low and middle-income countries: risk profiles of people who inject drugs in Haiphong (Vietnam).	19		BioMed Research Internationa l	ISI, IF= 2.276 (Q2)	4	2020 (Article ID 8037193), 1-9	09/ 2020
38.	Quality of life among district hospital nurses with multisite musculoskeletal symptoms in Vietnam	07		Journal of Occupation al Health	ISI, IF= 2.289 (Q2)	8	62(1), e12161, 1-9	10/ 2020
39.	Associations between methamphetamine use and lack of viral suppression among a cohort of HIV-positive persons who inject drugs in Hai Phong, Vietnam	16		AIDS	ISI, IF= 4.534 (Q1)	2	34(13), 1875- 1882	11/ 2020
40.	Daily heroin injection and psychiatric disorders: A cross-sectional survey among People Who Inject Drugs (PWID) in Haiphong, Vietnam	20		Drug and Alcohol Dependenc e	ISI, IF= 3.951 (Q1)	11	216(2020) , 108334, 1-9	11/ 2020
41.	Ending an HIV epidemic among persons who inject drugs in a middle-income country: extremely low HIV incidence among persons who inject drugs in Hai Phong, Viet Nam	17		AIDS	ISI, IF= 4.534 (Q1)	21	34(15), 2305- 2311	12/ 2020
42.	Một số yếu tố liên quan đến tiêm chủng của trẻ dưới 1 tuổi tại xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 2019	05		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 25-33	01/ 2021
43.	Thực trạng tiêm chủng của trẻ dưới 1 tuổi tại xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 2019	05		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 34-42	01/ 2021

44.	Tình trạng dinh dưỡng và đặc điểm khẩu phần của bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020	05		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 58-65	01/2021
45.	Thực trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan ở học sinh một trường Trung học phổ thông tại Hải Phòng năm 2019 - 2020	05		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 148-154	01/2021
46.	Thực trạng mang HBsAg và HBV DNA tải lượng cao ở phụ nữ mang thai đến khám và quản lý thai nghén tại Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng, 10/2017-3/2018	06		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 189-195	01/2021
47.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh tại huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng năm 2019 - 2020	05		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 218-226	01/2021
48.	Lây truyền vi rút viêm gan B từ mẹ sang con và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mang thai có HBsAg dương tính tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng năm 2017-2019	06		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 227-235	01/2021
49.	Tỷ lệ nhiễm HIV và độ bao phủ điều trị ở người tiêm chích ma túy tại Vinh, Nghệ An, áp dụng kỹ thuật chọn mẫu dây chuyền có kiểm soát dựa vào cộng đồng, năm 2019	08		Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 248-255	01/2021
50.	Kiến thức và thái độ về phòng chống tai nạn thương tích của học sinh ở một trường Trung học cơ sở, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng năm 2019	05	X	Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 265-272	01/2021
51.	Thực trạng tai nạn thương tích của học sinh trường trung học cơ sở Lê Ích Mộc, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng năm 2019	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			31 (1), 273-280	01/2021

52.	Kiến thức, thái độ, kỹ năng của cán bộ y tế trong phát hiện sớm ung thư vú tại hai huyện ven biển hải đảo Hải Phòng năm 2017	04		Tạp chí Y học dự phòng			31 (5), 60-68	05/ 2021
53.	Thực trạng điều kiện lao động và sức khỏe công nhân ngành may tại công ty TNHH Haivina Kim Liên, Nghệ An năm 2020	04	X	Tạp chí Y học Việt Nam			503(tháng 6 - Số 1), 126-132	06/ 2021
54.	The methamphetamine epidemic among persons who inject heroin in Hai Phong, Vietnam	16		Journal of Substance Abuse Treatment	ISI, IF= 3.770 (Q1)	10	126 (108320), 1-7	07/ 2021
55.	Blood lead levels and associated sociodemographic factors among children aged 3 to 14 years living near zinc and lead mines in two provinces in Vietnam	6	X (Tác giả đứng đầu)	BioMed Research International	ISI, IF= 3.411 (Q2)	6	2021 (Article ID 5597867), 1-9	07/ 2021
56.	A cohort study revealed high mortality among people who inject drugs in Hai Phong, Vietnam	16		Journal of Clinical Epidemiology	ISI, IF= 6.437 (Q1)	11	139 (2021), 38-48	07/ 2021
57.	The Cotton Dust-Related Allergic Asthma: Prevalence and Associated Factors among Textile Workers in Nam Dinh Province, Vietnam	07		Int. J. Environ. Res. Public Health	ISI, IF= 4.44 (Q2)	3	18 (18): 9813	9/ 2021
58.	Development and assessment of a community-based screening tool for mental health disorders among people who inject drugs	20		Drug Alcohol Rev	ISI, IF= 3.12 (Q1)	2	41 (3): 697-705	11/ 2021
59.	How has the COVID-19 epidemic affected the risk behaviors of people who inject drugs in a city with high harm reduction service coverage in Vietnam? A qualitative investigation	16		Harm Reduction Journal	ISI, IF= 4.39 (Q1)		2022-19 (1): 6	01/ 2022

60.	Assessment of a psychiatric intervention at community level for people who inject drugs in a low-middle income country: the DRIVE-Mind cohort study in Hai Phong, Viet Nam	21		The Lancet Regional Health - Western Pacific	ISI, IF= 4.31 (Q1)	8	2022, 18,100337	01/ 2022
61.	Thực trạng tai nạn lao động và một số yếu tố liên quan của người lao động tại làng nghề đúc đồng xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, năm 2020	07	X	Tạp chí Y học dự phòng			32 (1), 122-129	01/ 2022
62.	Kiến thức, thái độ về sức khỏe sinh sản vị thành niên và thực hành tình dục an toàn của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, Thành phố Hải Phòng năm 2021	05		Tạp chí Y học dự phòng			32 (1), 158-165	01/ 2022
63.	Thực trạng sức khỏe tâm thần của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng năm 2021	05		Tạp chí Y học dự phòng			32 (1), 216-222	01/ 2022
64.	Một số yếu tố liên quan đến dấu hiệu trầm cảm của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, Kiến An, Hải Phòng năm 2021	05		Tạp chí Y học dự phòng			32 (1), 278-284	01/ 2022
65.	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ về sức khỏe sinh sản vị thành niên và thực hành tình dục an toàn của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, Hải Phòng năm 2021	06	X	Tạp chí Y học dự phòng			32 (1), 318-325	01/ 2022
66.	Effectiveness of Interventions to Prevent Musculoskeletal Disorders among District Hospital Nurses in Vietnam	05		BioMed Research International	ISI, IF= 3.246 (Q2)	10	2021 (Article ID 1539063), 1-10	3/ 2022

67.	Mental Disorders Are Associated With Leukocytes Telomere Shortening Among People Who Inject Drugs	19		Frontiers in Psychiatry	ISI, IF= 4.52 (Q1)	19	17: 13: 846844	6/ 2022
68.	A community-based intervention to decrease the prevalence of HIV viremia among people who inject drugs in Vietnam	18		The Lancet Regional Health - Western Pacific	ISI, IF= 4.31 (Q1)	7	2022-11, 27:100538	7/ 2022
69.	Maintaining HIV and HCV prevention and care for people who inject drugs despite COVID-19 in Hai Phong, Vietnam	19	X (Tác giả đứng đầu)	International Journal of Drug Policy	ISI, IF= 4.23 (Q1)	4	110: 103870	9/ 2022
70.	Gender Differences in HIV, HCV risk and Prevention Needs Among People who Inject drug in Vietnam	16	X (Tác giả đứng đầu)	AIDS Behav	ISI, IF= 4.75 (Q1)	2	27 (6): 1989-1997	11/ 2022
71.	Association between recent methamphetamine use, antiretroviral therapy and HIV viral load; a mediation analysis from a cohort of HIV positive persons who inject drugs in Hai Phong, Vietnam	22		Int J STD AIDS	ISI, IF= 1.35 (Q2)	2	34(4): 236–244	01/ 2023
72.	Thực trạng quản lý điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh năm 2022	07		Tạp chí Y học dự phòng			33 (1-phụ bản), 47-53	05/ 2023
73.	Một số yếu liên quan đến việc sử dụng các biện pháp tránh thai của các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản tại xã Kiến Quốc, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng năm 2022	04		Tạp chí Y học dự phòng			33 (1-phụ bản), 127-135	05/ 2023
74.	Thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai của các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản tại xã Kiến Quốc, huyện Kiến	04		Tạp chí Y học dự phòng			33 (1-phụ bản), 136-144	05/ 2023

	Thụy, Thành phố Hải Phòng năm 2022							
75.	Tỉ lệ điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone liều cao và một số yếu tố liên quan tại Thành phố Hải Phòng năm 2022	05	X	Tạp chí Y học dự phòng			33 (1-phụ bản), 189-197	05/ 2023
76.	Hiệu quả mô hình can thiệp dựa vào cộng đồng trong kiểm soát dịch HIV trên người tiêm chích ma túy tại Thành phố Hải Phòng từ 2016 - 2020	09	X	Tạp chí Y học dự phòng			33 (1-phụ bản), 214-224	05/ 2023
77.	Utility of self-report antiretroviral adherence for predicting HIV viral load among persons who inject drugs in Hai Phong Vietnam: assessing differences by methamphetamine use	22		AIDS Care	ISI, IF= 1.87 (Q2)	1	36, 2024 - Issue 4	11/ 2023
78.	Gender, homelessness, hospitalization and methamphetamine use fuel depression among people who inject drugs: implications for innovative prevention and care strategies	17		Frontiers in Psychiatry	ISI, IF= 4.15 (Q1)	3	14: 1233844	11/ 2023
79.	Prevalence of violence victimisation and polyvictimisation among female sex workers in Haiphong, Viet Nam: A cross-sectional study	06	X (Tác giả đứng đầu)	Global Public Health	ISI, IF= 2.39 (Q1)		19 (1): 2308709	01/ 2024
80.	Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan của học sinh tại 2 trường Trung học phổ thông huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng năm 2023	04		Tạp chí Y học dự phòng			34, (1- Phụ bản), 115-123	4/ 2024
81.	Đặc điểm căng thẳng nghề nghiệp ở điều dưỡng viên lâm	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			34, (1- Phụ bản),	4/ 2024

	sàng tại Bệnh viện E năm 2023						135-143	
82.	Kiến thức, thái độ về sức khỏe sinh sản và thực hành tình dục an toàn của học sinh trung học phổ thông huyện Ninh Giang, Hải Dương năm 2022	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			34, (1- Phụ bản), 159-168	4/ 2024
83.	First-aid training for primary Healthcare providers on a remote Island: a mixed-methods study	07		BMC Medical Education	ISI, IF= 2.7 (Q1)		(2024) 24:790	7/ 2024
84.	Đặc điểm chất lượng cuộc sống và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân tại cơ sở điều trị methadone Thủy Nguyên, Hải Phòng năm 2024	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam			545, Số đặc biệt, tháng 12-2024, 301-307	12/ 2024
85.	Adverse Childhood Experiences increase the lifetime experience of violence poly-victimization among female sex worker in Hai Phong, Vietnam	06	X	Journal of Health Sciences			Volume 2, Issue 6 - 2024	12/ 2024
86.	Thực trạng quản lý điều trị của người bệnh tăng huyết áp tại khoa khám bệnh, bệnh viện đa khoa Hạ Long, Quảng Ninh năm 2024	04	X	Tạp chí Y học Việt Nam			551, tháng 6-số đặc biệt – 2025, 83-91	6/ 2025
87.	Thực trạng bệnh viêm quanh răng ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 quản lý tại Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ, Hưng Yên năm 2023	04	X	Tạp chí Y học Việt Nam			551, tháng 6 số đặc biệt – 2025, 258-265	6/ 2025
88.	Đặc điểm tuân thủ điều trị của người bệnh tăng huyết áp tại khoa khám bệnh, bệnh viện Đa khoa Hạ Long, Quảng Ninh năm 2024	03		Tạp chí Y học Việt Nam			551, tháng 6 số đặc biệt – 2025, 273-279	6/ 2025

89.	Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống bệnh tay chân miệng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại xã Trục Thắng, Trục Ninh, Nam Định năm 2024	04		Tạp chí Y học dự phòng			35 (2- Phụ bản), 87-96	6/ 2025
90.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hành vi bạo lực học đường ở học sinh trường Trung học cơ sở Bãi Cháy 2 tỉnh Quảng Ninh năm 2023	04		Tạp chí Y học dự phòng			35 (2- Phụ bản), 97-107	6/ 2025
91.	Thực trạng sức khỏe, bệnh tật của người lao động tại Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn đồ chơi Lucky Việt Nam năm 2024	04	X	Tạp chí Y học dự phòng			35 (2- Phụ bản), 108-115	6/ 2025
92.	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh đến khám tại Bệnh viện Công An thành phố Hải Phòng năm 2024	04		Tạp chí Y học dự phòng			35 (2- Phụ bản), 167-176	6/ 2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 bài (tác giả đứng đầu của 04 bài: 55, 69, 70, 79).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

...							
-----	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1.	Chương trình đào tạo Bác sĩ y học dự phòng chính quy	Tham gia	1477/QĐ-YDHP ngày 09/8/2023	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	382/QĐ-YDHP ngày 06/3/2024	
		Ủy viên thường trực	1069/QĐ-YDHP ngày 14/6/2024	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 631/QĐ- YDHP ngày 21/3/2025	

2.	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Y tế công cộng	Tham gia	Quyết định số 827/QĐ-YDHP ngày 10/5/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 1300/QĐ- YDHP ngày 04/8/2022	
		Ủy viên thường trực	Quyết định số 825/QĐ-YDHP ngày 13/5/2024	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 1822/QĐ- YDHP ngày 06/9/2024	
3.	Chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I Y tế công cộng	Tham gia	Quyết định số 827/QĐ-YDHP ngày 10/5/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 1696/QĐ- YDHP ngày 28/9/2022	
4.	Chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa II Quản lý y tế	Tham gia	Quyết định số 829A/QĐ-YDHP ngày 10/5/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 1710/QĐ- YDHP ngày 28/9/2022	
5.	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Y học dự phòng	Tham gia	Quyết định số 832/QĐ-YDHP ngày 10/5/2022	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Quyết định số 337/QĐ- YDHP ngày 17/2/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Giang